TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 45 /2023/QĐST-HNGĐ	*Sông Công, ngày 05 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 44 /2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Tiến M, sinh năm 1992; trú tại: Xóm VG, xã PL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên;

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; trú tại: TDP C, phường BQ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Tiến M và chị Nguyễn Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Tiến M và chị Nguyễn Thị T nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh M và chị T có 01 con chung là Trần Thị Hương G, sinh ngày 22/02/2020.

Anh M và chị T thỏa thuận, giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Thị Hương G đến khi con chung

trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Anh M có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Tiến M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T là 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng/ tháng) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2023.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Anh M không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nói trên thì hàng tháng Anh M còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định Điều 357 và Điều 468 Luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Anh M, chị T xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Tiến M tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con vào Ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0001041 ngày 10 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP Sông Công (2b);
- Chi cục THADS TP. Sông Công;
- UBND phường Bách Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Bình